

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;
Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;
Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại: Tờ trình số 357/TTr-SXD ngày 17/9/2025 và Văn bản số 14057/SXD-GĐCL ngày 20/10/2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội;
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định việc đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình, phá dỡ, sửa chữa và cải tạo công trình (không phân biệt quy mô, nguồn vốn đầu tư); quá trình vận chuyển cấu kiện, vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân các xã, phường (viết tắt

là Ủy ban nhân dân cấp xã); các chủ đầu tư, các nhà thầu, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nguyên tắc chung trong việc đảm bảo trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình

1. Việc thi công xây dựng công trình phải bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình trong phạm vi thi công và khu vực lân cận; có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

2. Bảo đảm an toàn cho các công trình liền kề và hạ tầng kỹ thuật xung quanh; khi thi công gây thiệt hại đến công trình liền kề, phải thực hiện bồi thường, khắc phục hậu quả theo đúng quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công; thực hiện đầy đủ các biện pháp trong từng công đoạn: thu gom, đóng bao, vận chuyển, xử lý, tái chế, hạn chế bụi, tiếng ồn, rung chấn và các tác nhân gây ô nhiễm không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và đời sống dân cư xung quanh.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về an toàn, vệ sinh môi trường trong xây dựng.

Điều 3. Yêu cầu thi công đối với một số loại công trình, khu vực đặc thù

Trong quá trình thi công một số loại công trình, hoặc thi công xây dựng trong khu vực có yếu tố đặc thù, ngoài việc tuân thủ quy định chung, chủ đầu tư, nhà thầu và các tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện yêu cầu sau:

1. Công trình thi công trong khu vực phố cổ, phố cũ, khu vực đô thị

a) Phương án thi công phải thể hiện rõ thời gian, tuyến đường vận chuyển, vị trí tập kết vật liệu, thiết bị.

b) Lắp đặt hàng rào, biển báo, đèn tín hiệu, có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn giao thông.

c) Không để vật liệu, phương tiện, máy móc phục vụ thi công lấn chiếm lòng đường, vỉa hè ngoài phạm vi được cấp phép.

d) Áp dụng biện pháp hạn chế bụi, tiếng ồn, rung chấn, đặc biệt trong khoảng từ 12 giờ đến 13 giờ và từ 22 giờ đến 05 giờ, trừ trường hợp khẩn cấp.

đ) Có biện pháp bảo đảm không gây ách tắc giao thông.

2. Công trình thi công gần di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng

a) Có phương án cụ thể đảm bảo không làm ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan, tầm nhìn hoặc giá trị kiến trúc, thẩm mỹ của di tích.

b) Sử dụng giải pháp thi công hạn chế tối đa rung chấn, tiếng ồn, bụi và tác động tiêu cực khác.

c) Bố trí cán bộ giám sát hiện trường phối hợp với cơ quan quản lý di tích trong suốt quá trình thi công.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật (*cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông, chiếu sáng, giao thông*)

a) Có phương án tổ chức thi công đảm bảo duy trì hoạt động liên tục và an toàn của hệ thống hiện hữu.

b) Khi cải tạo, nâng cấp phải bảo đảm kết nối đồng bộ với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật hiện có.

c) Trường hợp thi công liên quan đến nhiều loại hạ tầng kỹ thuật, phải phối hợp với các đơn vị quản lý liên quan để tránh chồng chéo, trùng lặp hoặc gây hư hỏng hệ thống.

d) Thông báo trước cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp nếu quá trình thi công có khả năng làm gián đoạn cung cấp dịch vụ.

đ) Sau khi hoàn thành phải hoàn trả hiện trạng theo đúng hồ sơ được phê duyệt.

4. Công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp

a) Bố trí trang bị thiết bị, công nghệ và nhân lực có năng lực kinh nghiệm phù hợp với đặc điểm kỹ thuật phức tạp của công trình.

b) Bố trí hệ thống giám sát kỹ thuật, an toàn lao động và môi trường liên tục.

c) Lập phương án ứng phó khẩn cấp đối với các sự cố kỹ thuật, môi trường.

5. Công trình thi công trong khu vực có yêu cầu cao về an ninh, trật tự

a) Phối hợp với cơ quan chức năng của chính quyền địa phương để xây dựng phương án bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình thi công.

b) Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện ra vào công trường.

c) Trang bị hệ thống cảnh báo, giám sát an ninh tại công trường.

d) Lập phương án và bố trí lực lượng, thiết bị sẵn sàng xử lý sự cố về an ninh, trật tự.

Chương II **CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI THI CÔNG**

Điều 4. Công tác khảo sát, chuẩn bị thi công

1. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng phải tổ chức kiểm tra, khảo sát hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc thuộc phạm vi mặt bằng thi công và các công trình liền kề để có biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. Chủ đầu tư phải thông báo cho chính quyền cơ sở, chủ công trình liền kề về quy mô, thời gian xây dựng công trình, các biện pháp tổ chức khảo sát, thi công công trình bảo đảm an toàn, cam kết đền bù khi việc thi công làm hư hỏng

công trình liền kề. Hồ sơ khảo sát hiện trạng công trình liền kề có thể thực hiện bằng cách chụp ảnh, đo vẽ, lập sơ đồ và xác lập biên bản có xác nhận của chủ sở hữu (*hoặc người đại diện theo ủy quyền*) của công trình liền kề và đại diện chính quyền địa phương.

Chủ đầu tư phải chủ động làm việc với chủ sở hữu, sử dụng công trình liền kề và phối hợp với chính quyền địa phương để thống nhất kế hoạch khảo sát hiện trạng. Trường hợp chủ công trình liền kề không đồng ý cho khảo sát, chủ đầu tư thực hiện khảo sát mặt ngoài có sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện tổ dân phố (*hoặc đại diện thôn, xóm đối với khu vực ngoài đô thị*) xác lập biên bản khảo sát làm cơ sở để giải quyết đền bù hoặc khiếu kiện.

Hồ sơ khảo sát hiện trạng công trình xây dựng phải thể hiện đầy đủ hiện trạng các công trình liền kề, lân cận; các kết cấu công trình ngầm hiện hữu; các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm trong khu vực và phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Bản vẽ hiện trạng khu vực công trường;
- b) Ảnh chụp hiện trạng công trình lân cận;
- c) Đánh giá hiện trạng của các công trình hiện hữu lân cận có khả năng bị ảnh hưởng khi thi công.

3. Đối với các dự án thuộc diện phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, chủ đầu tư có trách nhiệm lập phương án và kế hoạch triển khai thực hiện các biện pháp cụ thể phù hợp với các giai đoạn thi công xây dựng để giảm thiểu ô nhiễm môi trường bao gồm: ô nhiễm bụi, tiếng ồn, nước, xử lý phế thải xây dựng, trên cơ sở chương trình quản lý môi trường đã đề xuất.

Điều 5. Thông báo và điều kiện khởi công xây dựng công trình

Chủ đầu tư phải đảm bảo các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo các quy định của pháp luật và những yêu cầu sau:

1. Trước khi khởi công xây dựng, trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ đầu tư phải thông báo về việc khởi công cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở quản lý các công trình xây dựng chuyên ngành (*đối với các công trình xây dựng chuyên ngành*) và các đơn vị quản lý chuyên ngành liên quan (*điện, nước, thoát nước, thông tin liên lạc, môi trường*) để thực hiện việc quản lý, kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng; trừ các công trình xây dựng thuộc diện không phải thông báo khởi công theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Hồ sơ thông báo khởi công xây dựng ngoài các hồ sơ theo quy định, chủ đầu tư phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã các tài liệu sau:

a) Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao giấy xác nhận Đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường, hồ sơ các biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể, trong đó có hợp đồng ký kết với đơn vị có đủ năng lực và tư cách pháp nhân để thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải từ hoạt động xây dựng cho cơ sở có chức năng xử lý

theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố (*đối với công trình phải thực hiện nội dung này theo quy định pháp luật về môi trường*).

b) Biên pháp thi công được phê duyệt, biên bản khảo sát hiện trạng công trình liên kê (*nếu có*), cam kết đền bù thiệt hại về người, công trình, tài sản nếu được xác định do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra.

c) Phương án tổ chức giao thông tạm thời được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận (*nếu công trình ảnh hưởng đến giao thông đô thị*).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận thông báo của chủ đầu tư và theo dõi, kiểm tra, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra sự chấp hành các quy định pháp luật của chủ đầu tư xây dựng công trình.

Điều 6. Phá dỡ công trình, chuẩn bị mặt bằng thi công

Việc phá dỡ công trình, chuẩn bị mặt bằng thi công phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về phá dỡ công trình, bảo đảm an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường và đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Lập và phê duyệt phương án phá dỡ

a) Trước khi phá dỡ, chủ đầu tư và nhà thầu thi công phải lập phương án, giải pháp phá dỡ phù hợp với quy mô, tính chất công trình (*đối với công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng phải tổ chức thẩm tra, phê duyệt thiết kế phương án, giải pháp phá dỡ công trình xây dựng theo quy định*); phương án phải bao gồm biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an toàn cộng đồng, phòng ngừa rủi ro cháy nổ, sập đổ; biện pháp thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải xây dựng đúng nơi quy định. Chất thải phát sinh trong quá trình phá dỡ phải được thu gom, đóng bao (*hoặc có biện pháp khác nhằm bọc kín chất thải*) và vận chuyển đến cơ sở tái chế theo quy định.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật liên quan về thời gian thực hiện phá dỡ công trình trước thời điểm thi công ít nhất 05 ngày làm việc để chủ động phối hợp.

c) Việc phá dỡ chỉ được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định; nghiêm cấm việc phá dỡ tự phát gây nguy hiểm cho cộng đồng.

2. Bảo vệ hạ tầng kỹ thuật và cây xanh

a) Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế và nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo vệ toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, chiếu sáng công cộng, biển báo giao thông...*) và cây xanh hiện hữu trong phạm vi và khu vực xung quanh công trường.

b) Trường hợp bắt buộc phải di chuyển, thay thế, cắt tỉa hoặc chặt hạ cây xanh, phải lập phương án và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Thành phố; đồng thời, phải thực hiện trồng thay thế hoặc khôi phục hiện trạng theo yêu cầu quản lý đô thị.

3. Xử lý nguy cơ về an toàn, môi trường đặc biệt

a) Khi có dấu hiệu hoặc nghi ngờ mặt bằng thi công chứa bom, mìn, vật liệu nổ, hóa chất độc hại, chất phóng xạ hoặc các nguồn nguy hiểm khác, chủ đầu tư phải tạm dừng thi công và thuê đơn vị chuyên môn có tư cách pháp nhân, được cấp phép để khảo sát, xử lý.

b) Mọi hoạt động xử lý các yếu tố nguy hiểm nêu trên phải tuân thủ quy trình kỹ thuật, có sự giám sát của cơ quan quân sự, công an, hoặc cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền, đồng thời thông báo rộng rãi để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người dân và phương tiện xung quanh.

4. Yêu cầu đối với việc phá dỡ công trình trong khu vực đô thị, khu phố cổ, phố cũ, khu vực có công trình di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng

a) Áp dụng biện pháp hạn chế tối đa rung chấn, bụi và tiếng ồn;

b) Thực hiện đúng quy định về khung giờ làm việc, không gây ảnh hưởng xấu đến đời sống, sinh hoạt của cộng đồng;

c) Tổ chức phương án thi công bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và công trình lân cận.

d) Bố trí rào chắn công trình, che chắn toàn bộ khu vực phá dỡ, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị;

đ) Lắp đặt hệ thống rửa bánh xe, phun nước giảm bụi tại các lối ra vào công trường;

e) Thu gom, phân loại và vận chuyển toàn bộ chất thải, vật liệu tháo dỡ ra khỏi công trường ngay trong ngày, không để lưu giữ hoặc tập kết trên vỉa hè, lòng đường;

g) Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc thực hiện các giải pháp tránh ùn tắc giao thông khi cần thiết.

Điều 7. Yêu cầu về Biển báo và hàng rào công trường

1. Biển báo công trường

a) Tất cả các công trình xây dựng (*trừ nhà ở riêng lẻ thuộc sở hữu tư nhân từ 07 tầng trở xuống*) phải có biển báo công trình được đặt cố định tại cổng ra vào công trình, ở vị trí dễ quan sát, không bị che khuất, đảm bảo hiển thị rõ ràng cả ban ngày và ban đêm.

b) Nội dung biển báo phải thể hiện tối thiểu các thông tin: Tên công trình; tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị thiết kế; giấy phép xây dựng hoặc văn bản chấp thuận đầu tư; thời gian khởi công và thời gian hoàn thành; số điện thoại đường dây nóng của Ủy ban nhân dân cấp xã để người dân phản ánh vi phạm trật tự xây dựng.

c) Biển báo phải được làm bằng vật liệu bền, chống phai màu, bảo đảm mỹ quan đô thị; hư hỏng hoặc mờ nội dung phải kịp thời sửa chữa, thay thế.

2. Hàng rào công trường

a) Xung quanh khu đất xây dựng (*trừ các mặt tiếp giáp với tường của công trình khác hoặc khu vực được phép thi công hở theo quy định*), chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng phải lắp đặt hàng rào ngăn cách, bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

b) Hàng rào công trường phải đáp ứng các yêu cầu:

Chiều cao tối thiểu 2,0 m, màu sắc, hình thức phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và đặc điểm khu vực; Kết cấu chắc chắn, kín khít, có khả năng chịu lực gió, mưa bão; bảo đảm tồn tại ổn định trong suốt quá trình thi công; nếu hư hỏng phải sửa chữa, phục hồi ngay.

Đối với khu vực phố cổ, khu vực di tích, khu vực cảnh quan đặc thù, hàng rào phải tuân thủ thêm các yêu cầu riêng về vật liệu, màu sắc, chiều cao... phù hợp với cảnh quan và theo quy định của khu vực.

c) Hàng rào chỉ được xây dựng trên phạm vi đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chủ đầu tư. Trường hợp hàng rào hoặc bộ phận công trình tạm thời nằm ngoài phạm vi này, hoặc khi có nhu cầu sử dụng tạm hè phố, lòng đường ngoài mục đích giao thông, phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo đúng quy định.

d) Trên hàng rào công trường, tại vị trí phù hợp, phải có biển cảnh báo an toàn, biển cấm hoặc các chỉ dẫn cần thiết khác cho người và phương tiện.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT THI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 8. An toàn trong thi công công trình

1. Trước khi tổ chức thi công xây dựng công trình, nhà thầu có trách nhiệm lập biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn lao động, Kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động và trình chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thi công thực tế, tuân thủ quy định pháp luật về an toàn trong thi công xây dựng và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo vệ an toàn cho người và tài sản xung quanh:

b) Khi thi công, phải bố trí sànche, lưới chắn hoặc các kết cấu bảo vệ khác nhằm ngăn ngừa vật liệu, dụng cụ rơi từ trên cao.

c) Kết cấu che chắn phải chắc chắn, lắp đặt đúng kỹ thuật, đảm bảo không để vật liệu, dụng cụ, thiết bị rơi xuống hè phố, lòng đường, công trình liền kề; bảo đảm chiều cao thông thủy theo quy định.

2. Che chắn công trình:

Tất cả công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở (*trừ nhà ở riêng lẻ thấp tầng ở khu vực không yêu cầu che chắn*) khi xây dựng hoặc tháo dỡ đều phải có biện pháp che kín bằng lưới hoặc bạt chắn trong toàn bộ thời gian thi công.

Lưới, bạt che phải vững chắc, không bị rách hoặc bung, đảm bảo vệ sinh môi trường, giảm bụi, tiếng ồn, giữ gìn mỹ quan đô thị; chiều cao tối thiểu cao hơn điểm cao nhất của phần công trình đang thi công 2m.

3. An toàn về điện và phòng cháy nổ:

Hệ thống điện thi công phải được thiết kế, lắp đặt tách biệt với hệ thống điện chiếu sáng bảo vệ; có thiết bị bảo vệ, chống giật, chống quá tải, tiếp đất an toàn; bố trí đèn cảnh báo ban đêm ở các vị trí nguy hiểm.

Có biện pháp phòng cháy chữa cháy tại chỗ theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; bố trí lối thoát hiểm thông suốt trong suốt quá trình thi công.

4. Quản lý máy móc, thiết bị, vật tư:

Các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định phải được kiểm định kỹ thuật an toàn trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng bởi tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, khai báo với cơ quan có thẩm quyền; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

5. Sử dụng và quản lý giàn giáo:

Giàn giáo phải được lắp đặt, nghiệm thu trước khi sử dụng; kiểm tra định kỳ theo đúng Mục 2.2.4 QCVN 18:2021/BXD; nghiêm cấm sử dụng giàn giáo quá tải hoặc sai mục đích.

6. An toàn hành lang kỹ thuật và lưới điện:

Khi thi công gần hoặc dưới đường dây điện, trạm biến áp, nhà thầu phải tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn hành lang bảo vệ lưới điện; phối hợp với đơn vị quản lý điện lực để có biện pháp bảo vệ, cắt điện hoặc che chắn theo yêu cầu kỹ thuật.

7. Đối dự án đầu tư xây dựng, nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân từ 7 tầng trở lên hoặc có từ 02 tầng hầm trở lên, Chủ đầu tư, nhà thầu phải bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để giám sát thường xuyên, kịp thời dừng thi công nếu phát hiện nguy cơ mất an toàn. Mọi sự cố mất an toàn lao động, sự cố công trình phải được lập biên bản, báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương để xử lý.

Điều 9. Đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công

Trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng hoặc phá dỡ công trình, chủ đầu tư, nhà thầu thi công phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và về bảo vệ môi trường, thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường đã cam kết và đảm bảo các nội dung sau:

1. Trên công trường phải bố trí hệ thống thoát nước thi công, thiết kế biện pháp đầu nối hợp lý đảm bảo tiêu nước triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình thi công. Nước thải thi công trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố phải thu về hố ga, lắng đọng bùn đất, phế thải qua các

ngăn lắng đọng, kích thước các hố ga phải phù hợp với lưu lượng nước thải. Đơn vị thi công phải thường xuyên tổ chức nạo vét, thu gom bùn rác chuyển đến nơi quy định; không để vật liệu, phế thải xây dựng, dung dịch khoan, hóa chất... chảy vào hồ ao, kênh mương, hệ thống thoát nước chung của Thành phố (*các dung dịch khoan, bentonite... phải được thu gom lắng đọng đổ đúng nơi quy định của Thành phố*).

2. Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng phải bố trí đủ nhà vệ sinh tạm (*loại tự hoại hoặc bán tự hoại*) trên công trường hoặc hợp đồng thuê nhà vệ sinh lưu động của đơn vị có chức năng để phục vụ trong suốt thời gian thi công.

3. Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng có nhu cầu sử dụng nguồn nước sạch của Thành phố để thi công phải thiết kế, thi công hệ thống cấp nước đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp nước và tiết kiệm nước, liên hệ với đơn vị kinh doanh nước sạch để ký hợp đồng sử dụng nước.

4. Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng khi khoan giếng, khai thác nước ngầm để thi công phải được cấp có thẩm quyền cho phép và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý và khai thác nước ngầm. Sau khi thi công xong hoặc không sử dụng giếng khoan khai thác nước ngầm, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng phải trám lấp lỗ khoan theo đúng quy định.

5. Chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân xây dựng công trình phải ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực và tư cách pháp nhân để thu gom, vận chuyển và chuyển giao chất thải từ hoạt động xây dựng cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố. Chủ các phương tiện và người điều khiển phương tiện vận chuyển phải thực hiện thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng đổ đúng nơi quy định. Vật tư, vật liệu rời (*như cát, đá, sỏi, xi măng*), phế thải xây dựng, bùn, đất và chất thải sinh hoạt phải được đóng bao hoặc có biện pháp để bọc kín; xe vận chuyển phải có thùng kín, che chắn đảm bảo không để bụi phát tán, nước chảy, vật tư, vật liệu, phế thải rơi vãi trong quá trình vận chuyển; trường hợp cần thiết phải sử dụng xe chuyên dùng để vận chuyển. Không vận chuyển quá tải trọng quy định. Các phương tiện vận chuyển khi đi vào nội thành và ra khỏi công trường phải được rửa sạch đảm bảo mỹ quan và không gây bẩn đường phố.

6. Sau mỗi lần trung chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng phải tổ chức dọn dẹp ngay vật liệu xây dựng rơi vãi (*nếu có*), trả lại hè, đường phố, lối đi sạch sẽ cho khu vực.

7. Phế thải xây dựng khi vận chuyển từ trên cao xuống phải được đóng vào bao, đựng trong thùng hoặc vận chuyển trong đường ống bọc kín. Cấm đổ phế thải xây dựng rơi tự do từ trên cao xuống.

8. Thi công đóng cọc (*trừ cọc tre*):

a) Trong phạm vi khu phố cổ, khu phố cũ cấm thi công cọc đóng (*và thử cọc*) bằng các loại máy búa (*hoặc bằng các thiết bị tương tự, thiết bị dùng năng lượng nổ*) gây rung động và tiếng ồn lớn.

b) Tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng có thể sử dụng cọc đóng trong trường hợp vị trí đóng cọc cách mép công trình hiện có ít nhất 150m và có biện pháp hạn chế ảnh hưởng do rung chấn và tiếng ồn. Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng phải chịu trách nhiệm đền bù nếu việc thi công cọc đóng gây ra lún nứt các công trình khác.

c) Tại các khu vực khác, muốn sử dụng biện pháp đóng cọc, phải được Sở Xây dựng chấp thuận.

9. Trong quá trình thi công xây dựng hoặc phá dỡ công trình, không được sử dụng các thiết bị gây ồn, thiết bị có gia tốc rung vượt quá giới hạn tối đa cho phép theo quy định. Phải có biện pháp giảm bụi và khí thải ô nhiễm môi trường, đảm bảo chất lượng không khí theo quy định hiện hành. Thi công công trình giao thông qua khu dân cư phải thường xuyên tưới nước chống bụi, có biện pháp nầu nhựa khi thi công rải đường để hạn chế ô nhiễm môi trường.

10. Các kho chứa chất cháy nổ, hóa chất độc hại, nhiên liệu phục vụ thi công, khu chứa tạm phế thải xây dựng:

Các kho chứa chất cháy nổ, hóa chất độc hại, nhiên liệu phục vụ thi công phải đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình lân cận theo quy định.

Đối với công trình khi thi công có sử dụng các hóa chất độc hại phải có biện pháp lưu giữ, biện pháp thi công, biện pháp vận chuyển, thu gom và xử lý chất thải được cấp có thẩm quyền quy định.

Nhiên liệu, dầu mỡ cung cấp cho máy, thiết bị thi công phải được lưu giữ trong thùng kín tại khu vực riêng, có mái che, tường bao và sàn kín không để rò rỉ ra môi trường xung quanh. Đơn vị lưu giữ, sử dụng nhiên liệu phải có biện pháp phòng chống cháy nổ theo quy định; phải có giải pháp thu hồi xăng, dầu khi có sự cố, trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy phù hợp với chất cháy và thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về xăng, dầu.

Điều 10. Công trình xây dựng tạm phục vụ thi công

1. Công trình xây dựng tạm phục vụ thi công (*bao gồm: lán trại điều hành, kho vật liệu, nhà vệ sinh, hàng rào, bãi tập kết...*) phải tuân thủ quy định tại Luật Xây dựng, các Nghị định hướng dẫn và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan; đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý trật tự xây dựng, mỹ quan đô thị và bảo vệ môi trường của thành phố Hà Nội; khuyến khích sử dụng cấu kiện chế tạo sẵn, nhà lắp ghép hoặc container chuyên dụng để thuận tiện lắp dựng, tháo dỡ, tái sử dụng và giảm phát sinh chất thải xây dựng.

2. Vị trí và yêu cầu kỹ thuật

Công trình tạm phải được bố trí gọn gàng, hợp lý trong phạm vi mặt bằng thi công, không lấn chiếm hè phố, lòng đường hoặc đất công cộng; kết cấu phải bảo đảm an toàn chịu lực, phòng chống cháy nổ, chống đổ sập khi gặp gió bão, đảm bảo khoảng cách an toàn với các công trình lân cận.

Nhà vệ sinh công trường phải là loại tự hoại hoặc bán tự hoại, bố trí ở vị trí thuận tiện, tách biệt khu sinh hoạt và khu chứa vật liệu; có biện pháp xử lý chất thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

3. Yêu cầu về vệ sinh, môi trường và mỹ quan đô thị

Khu vực công trình tạm phải sạch sẽ, không phát sinh nước thải, rác thải bừa bãi; có biện pháp che chắn, thoát nước, thu gom chất thải rắn và lỏng đúng quy định.

Màu sắc, hình thức bên ngoài công trình tạm phải hài hòa với cảnh quan xung quanh, không gây phản cảm, đặc biệt tại các khu vực trung tâm, tuyến phố chính và khu vực có yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan.

4. Trách nhiệm tháo dỡ và hoàn trả mặt bằng

Sau khi hoàn thành công trình chính, chủ đầu tư và nhà thầu phải tháo dỡ toàn bộ công trình tạm, thu dọn sạch sẽ và hoàn trả mặt bằng như hiện trạng ban đầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, trừ trường hợp công trình tạm phù hợp quy hoạch được duyệt và được cơ quan có thẩm quyền cho phép giữ lại.

Việc tháo dỡ công trình tạm phải tuân thủ quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, không làm ảnh hưởng đến công trình liền kề và hạ tầng kỹ thuật xung quanh.

Điều 11. Đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình xây dựng

1. Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng nếu có nhu cầu cho cán bộ, công nhân và người lao động ở lại công trường xây dựng phải đăng ký tạm trú với cơ quan công an cấp xã.

2. Chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng có trách nhiệm quản lý các hoạt động của những người do mình thuê trong suốt thời gian thi công và ở tại công trình; phối hợp với công an, chính quyền cấp xã đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực thi công.

3. Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng phải xây dựng phương án quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất, thiết bị xe máy; thực hiện đúng các quy định về phòng chống cháy nổ; phối hợp với chính quyền sở tại đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường trong thời gian thi công.

Điều 12. Giải quyết hư hỏng công trình liền kề

1. Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng công trình (*kể cả cải tạo, nâng cấp, phá dỡ*) có hành vi tổ chức thi công vi phạm các quy định về xây dựng, gây thiệt hại cho công trình lân cận (*bao gồm cả công trình hạ tầng kỹ thuật*) thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, đồng thời tạm dừng thi công để khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại. Trình tự giải quyết thực hiện theo các bước sau:

a) Việc bồi thường thiệt hại do chủ đầu tư và bên bị thiệt hại tự thỏa thuận. Nếu sau khi biên bản vi phạm hành chính được lập, bên vi phạm và bên bị thiệt hại không tự thỏa thuận được và một bên có đơn yêu cầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì việc thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại giữa bên vi

phạm và bên bị thiệt hại. Hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày thỏa thuận lần đầu không thành hoặc bên bị thiệt hại vắng mặt tại buổi thỏa thuận lần đầu mà không có lý do chính đáng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thỏa thuận lần hai. Tại buổi thỏa thuận lần hai mà bên bị thiệt hại tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng thì bên vi phạm được tiếp tục thi công xây dựng sau khi chuyển khoản tiền tương đương mức thiệt hại gây ra vào tài khoản bảo lãnh tại ngân hàng, chủ đầu tư phải cam kết sửa chữa hư hỏng cho bên bị thiệt hại và có biện pháp kiểm soát hậu quả không để xảy ra những thiệt hại khác. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức tiền bảo lãnh căn cứ vào yêu cầu của bên bị thiệt hại, có xem xét đến đề nghị, giải trình của bên vi phạm.

b) Trường hợp thỏa thuận lần hai không thành, hai bên thống nhất mời một tổ chức độc lập, có tư cách pháp nhân để xác định mức độ thiệt hại làm cơ sở bồi thường. Trong thời hạn 07 ngày mà hai bên không thống nhất được việc mời tổ chức để giám định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mời một cơ quan (*hoặc tổ chức*) có đủ năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật để tổ chức giám định, chi phí do bên vi phạm chi trả.

c) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có kết quả giám định mà một trong các bên không thống nhất với kết quả do tổ chức giám định đưa ra, bên đó có quyền mời một tổ chức khác và tự chi trả chi phí. Kết quả giám định này là căn cứ để xác định mức bồi thường. Trường hợp bên còn lại không thống nhất với kết quả lần hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức bồi thường theo mức trung bình của kết quả giám định lần 1 và kết quả giám định lần 2.

d) Sau 30 ngày kể từ ngày hoàn thành công tác giám định mà tổ chức giám định lần 2 không cung cấp kết quả, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng kết quả giám định ban đầu làm cơ sở xác định bồi thường thiệt hại. Bên gây thiệt hại có trách nhiệm mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và chuyển đầy đủ số tiền bồi thường theo kết quả giám định vào tài khoản đó, chủ đầu tư phải cam kết sửa chữa hư hỏng cho bên bị thiệt hại. Sau khi bên gây thiệt hại đã chuyển đủ số tiền vào tài khoản tại ngân hàng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho phép tiếp tục thi công xây dựng.

2. Trường hợp bên bị thiệt hại không thống nhất với mức bồi thường thì có quyền khởi kiện tại Tòa án.

3. Trường hợp công trình xây dựng có nguy cơ sụp đổ hoặc gây sụp đổ công trình lân cận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện kiểm tra ngay sau khi nhận được trình báo của bên bị thiệt hại, có kế hoạch và chịu trách nhiệm di chuyển người, tài sản ra khỏi công trình bị hư hỏng; kịp thời yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng công trình dừng thi công và có ngay biện pháp chống đỡ công trình hư hỏng, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố. Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng chỉ được phép tiếp tục thi công sau khi công trình liền kề có nguy cơ sụp đổ đã được xử lý đảm bảo an toàn. Chủ đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ tiền di chuyển và thuê chỗ ở tạm thời cho bên bị thiệt hại trong thời gian giải quyết.

Điều 13. Thu dọn, bàn giao mặt bằng công trường

Chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng công trình tạm và các yêu cầu sau:

1. Trước tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng, nhà thầu xây dựng phải tháo dỡ xong toàn bộ công trình xây dựng tạm, nhà vệ sinh theo quy định tại khoản 4 Điều 10 quy định này, chuyển hết vật liệu, cấu kiện thừa, phế thải xây dựng đến nơi quy định của Thành phố, di chuyển máy móc, thiết bị phục vụ thi công ra khỏi mặt bằng công trình, nạo vét bùn, đất, phế thải, sửa chữa những vị trí hư hỏng của đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước do quá trình thi công gây nên, dọn dẹp mặt bằng công trường để bàn giao lại cho chủ đầu tư hoặc chủ quản lý sử dụng, cơ quan quản lý chuyên ngành. Nghiêm cấm chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng sử dụng công trình tạm vào mục đích khác sau khi đã kết thúc thi công.

2. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (*cấp điện, cấp nước, thoát nước...*), công trình xây dựng, duy tu cải tạo nâng cấp hệ, đường, hạ ngầm đường dây đi nổi ngay sau khi xây dựng xong toàn bộ hoặc từng phần (*đối với công trình xây dựng theo tuyến*) chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng phải san, lấp, dọn dẹp hoàn trả lại mặt bằng nguyên trạng đảm bảo cảnh quan, an toàn giao thông trong khu vực.

3. Trường hợp chủ đầu tư không chấp hành việc tháo dỡ, chính quyền địa phương tổ chức tháo dỡ thu hồi vật tư. Chủ đầu tư phải chịu toàn bộ chi phí tháo dỡ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành thuộc Thành phố

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này; báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

b) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quy định này.

c) Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông với các tuyến phố thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Cấp phép hoạt động phương tiện phục vụ thi công, đỗ xe tạm thời để bốc xếp vật liệu.

đ) Kiểm tra định kỳ, đột xuất các nội dung theo chức năng nhiệm vụ; xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Sở Nội vụ

a) Kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác an toàn, vệ sinh lao động tại công trình; xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

b) Tiếp nhận khai báo việc sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trừ pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

b) Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường theo thẩm quyền (*hoặc theo ủy quyền*).

c) Hướng dẫn xử lý sự cố môi trường phát sinh từ hoạt động xây dựng theo quy định.

4. Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp Thành phố:

Thực hiện đầy đủ và chịu trách nhiệm toàn diện công tác quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trong phạm vi các khu công nghệ cao và khu công nghiệp.

5. Công an Thành phố

a) Phối hợp tuần tra, xử lý phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng vi phạm an toàn giao thông, gây rơi vãi, ô nhiễm môi trường.

b) Bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, xử lý vi phạm trật tự xây dựng.

c) Chủ động phát hiện và xử lý các cá nhân có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn Thành phố.

d) Phối hợp chặt chẽ với các Sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình thực hiện quy định này.

6. Đơn vị, doanh nghiệp quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Theo dõi, phát hiện vi phạm trong phạm vi quản lý (*cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, vệ sinh môi trường, hệ đường...*) liên quan đến hoạt động xây dựng.

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục vi phạm; trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý.

c) Phối hợp chính quyền địa phương đảm bảo an toàn, vệ sinh và mỹ quan tại khu vực hạ tầng quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự xây dựng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo Quy định này đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; lồng ghép nội dung vào các cuộc họp (*hoặc sinh hoạt*) của khu dân cư, tổ dân phố và đoàn thể.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý trật tự xây dựng đô thị, an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng công trình trên địa bàn.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, đột xuất; phát hiện, lập biên bản, đình chỉ thi công, xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ lên cấp có thẩm quyền khi vượt thẩm quyền.

4. Tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả do Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành.

5. Cấp giấy phép môi trường cho dự án theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định môi trường của chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng.

6. Cấp phép tạm thời sử dụng lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông theo phân cấp; kiểm tra, giám sát việc sử dụng đúng mục đích, thời hạn, diện tích.

7. Bố trí địa điểm tập kết phục vụ thu gom chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình cải tạo, phá dỡ nhỏ lẻ của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; tổ chức kêu gọi đơn vị đầu tư, quản lý các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng; Phối hợp ngăn chặn, xử lý tình trạng tập kết vật liệu, phế thải trái phép, lấn chiếm lòng đường, hè phố, gây cản trở giao thông, mất mỹ quan đô thị.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2025 và thay thế Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra VB và QLXP VPHC*);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng CM, Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT, ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn